TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 448/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 500/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026 về việc: "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Minh H – sinh năm 1979

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ú – sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: H, Ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị Ú. (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 24/3/2016).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị Ú thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị Ú có 01 con chung tên là Phạm Minh H1, sinh ngày 06/7/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Hai bên thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000 đồng do ông Phạm Minh H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024205 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Hoàn trả lại cho ông Phạm Minh H số tiền chênh lệch còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã Hiệp Phước, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 6

2YQ050626.TLQDBA
8455

Doãn Thị Duyên